TÒA ÁN NHÂN DÂNQUẬN HỒNG BÀNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:10/2020/KDTM-ST
Ngày 24-7-2020
V/v tranh chấp Hợp đồng kinh tế và hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂNQUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Chung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Hải;

Ông Nguyễn Văn Điển.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đoàn Thị Lệ Thu- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:13/2020/TLST-KDTM ngày 20 tháng01 năm 2020về tranh chấp về hợp đồng kinh tế và hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:07/2020/QĐXXST-KDTM ngày25tháng 5năm 2020và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2020/QĐST-KDTM ngày 24 tháng 6 năm 2020giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần L3; địa chỉ: Số 86 đường A, phường B, quận C, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông D; chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông E, chức vụ: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần L3; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo Giấy ủy quyền ngày 10-02-2020 giữa Bên ủy quyền là ông D - Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần L3 với Bên nhận ủy quyền là ông E);vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

+ Bà F - Luật sư Công ty Luật TNHH G, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội; có mặt.

+ Ông H - Luật sư Công ty Luật TNHH G, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội; có mặt.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần LSO; địa chỉ: Km 6, quốc lộ I, phường J, quận K, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông L; chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần LSO, là người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần LSO; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 25-11-2019 và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án, nguyên đơn Công ty Cổ phần L3 do ông E là người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là bà F, ông H thống nhất trình bày:

Giữa Công ty Cổ phần L3 với Công ty Cổ phần LSO có ký kết 02 hợp đồng:

- Hợp đồng kinh tế số 2201/LSO/L3 ngày 22/01/2016 về việc "Lắp đặt kết cấu thép Dự án Cục Viễn thông" giữa Công ty Cổ phần L3 và Công ty Cổ phần LSO và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 22/01/2016.

- Hợp đồng mua bán tài sản số 12B/2014/HĐMB ngày 26/8/2014 "Bán 01 cổng trục dầm đôi 25/5T và 01 cổng trục dầm đơn 10T" giữa Công ty Cổ phần L3 và Công ty Cổ phần LSO.

Số liệu cụ thể về việc thực hiện 02 hợp đồng như sau:

- Hợp đồng kinh tế số 2201/LSO/L3 ngày 22/01/2016 về việc "Lắp đặt kết cấu thép Dự án Cục Viễn thông" giữa Công ty Cổ phần L3 và Công ty Cổ phần LSO tổng giá trị hợp đồng là 33.443.941.651 (*Ba mươi ba tỷ, bốn trăm bốn mươi ba triệu, chín trăm bốn mươi mốt nghìn, sáu trăm năm mươi mốt - Đã bao gồm thuế giá trị gia tăng 10%*)đồng. Trong qua trình thực hiện hợp đồng, hai bên đã ký Bảng xác nhận khối lượng hoàn thành, Công ty Cổ phần L3 đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết trong hợp đồng và đã xuất hóa đơn giá trị khối lượng hoàn thành cho Công ty Cổ phần LSO theo từng đợtvới tổng giá trị là 32.484.133.067 đồng (*Ba mươi hai tỷ, bốn trăm tám mươi tư triệu, một trăm ba mươi ba nghìn, không trăm sáu mươi bẩy - Đã bao gồmthuế giá trị gia tăng 10%*) đồng. Ngày 28 tháng 12 năm 2017, đại diện Công ty Cổ phần L3 và Công ty Cổ phần LSO đã ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình theo quy định. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Cổ phần LSO đã thanh toán cho Công ty Cổ phần L3 tổng cộng 25.851.040.468 đồng (*Hai mươi lăm tỷ, tám trăm năm mươi mốt triệu, không trăm bốn mươi nghìn, bốn trăm sáu mươi tám*) đồng, bao gồm: Đã tạm ứng theo hợp đồng là 13.377.576.653 (*Mười ba tỷ, ba trăm bẩy mươi bẩy triệu, năm trăm bẩy mươi sáu nghìn, sáu trăm năm mươi ba*) đồng; đã thanh toán

là 10.903.483.815 đồng (*Mười tỷ, chín trăm linh ba triệu, bốn trăm tám mươi ba nghìn, tám trăm mười lăm*) đồng; giá trị bù trừ giữa Công ty Cổ phần L3, Công ty Cổ phần LSO và Tổng Công ty LL là 1.570.000.000 đồng (*Một tỷ, năm trăm bẩy mươi triệu*) đồng. Như vậy, Công ty Cổ phần LSO còn nợ Công ty Cổ phần L3 số tiền 6.633.072.599 đồng (*Sáu tỷ, sáu trăm ba mươi ba triệu, không trăm bẩy mươi hai nghìn, năm trăm chín mươi chín*) đồng.

- Hợp đồng mua bán tài sản số 12B/2014/HĐMB ngày 26/8/2014 "Bán 01 cổng trục dầm đôi 25/5T và 01 cổng trục dầm đơn 10T" giữa Công ty Cổ phần L3 và Công ty Cổ phần LSO với tổng giá trị hợp đồng là 1.325.500.000 đồng (*Một tỷ, ba trăm hai mươi lăm triệu, năm trăm nghìn - Đã bao gồm thuế giá trị gia tăng 10%*) đồng. Công ty Cổ phần L3 đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ cam kết trong hợp đồng và đã xuất hóa đơn cho Công ty Cổ phần LSO theo quy định. Công ty Cổ phần LSO đã thanh toán cho Công ty Cổ phần L3 số tiền 811.152.500 đồng (*Tám trăm mười một triệu, một trăm năm mươi hai nghìn, năm trăm*) đồng. Như vậy, Công ty Cổ phần LSO còn phải thanh toán cho Công ty Cổ phần L3 số tiền 514.347.500 đồng (*Năm trăm mười bốn triệu, ba trăm bốn mươi bẩy nghìn, năm trăm*) đồng.

* Tổng số tiền Công ty Cổ phần LSO còn nợ Công ty Cổ phần L3 của 02 hợp đồng nêu trên là: 6.633.072.599 đồng +514.347.500 đồng= 7.147.420.099 đồng (*Bẩy tỷ, một trăm bốn mươi bẩy triệu, bốn trăm hai mươi nghìn, không trăm chín mươi chín*) đồng.

(Số liệu trên được thể hiện tại Biên bản xác nhận công nợ giữa Công ty Cổ phần L3 và Công ty Cổ phần LSO ngày 12/3/2019).

Công ty Cổ phần L3 đã nhiều lần yêu cầu Công ty Cổ phần LSOthanh toán các khoản nợ nêu trên. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần LSO vẫn chưa thanh toán cho Công ty Cổ phần L3.Do đó, Công ty Cổ phần L3 yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc Công ty Cổ phần LSO phải thanh toán cho Công ty Cổ phần L3 số tiền gốc của 02 hợp đồng là: 7.147.420.099 đồng (*Bẩy tỷ, một trăm bốn mươi bẩy triệu, bốn trăm hai mươi nghìn, không trăm chín mươi chín - Đã bao gồm thuế giá trị gia tăng 10%*) đồng. Trong đó:

- Khoản nợ theo Hợp đồng kinh tế số 2201/LSO-L3 ngày 22/01/2016 là: 6.633.072.599 đồng.

- Khoản nợ theo Hợp đồng mua bán tài sản số 12B/2014.HĐMB ngày 26/8/2014 là: 514.347.500 đồng.

2. Buộc Công ty Cổ phần LSO thanh toán số tiền lãi chậm thanh toán tạm tính theo điều khoản hợp đồng từ ngày 12/3/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 24/7/2020 với mức lãi xuất là 10%.

Tại Đơn đề nghị đề ngày 24/6/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn sửa đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Do tình hình dịch bệnh Covid 19 diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của hầu hết các doanh nghiệp trong cả nước, khiến cho nhiều doanh nghiệp, trong đó có Công ty Cổ phần LSO rơi vào tình trạng đóng băng, không có nguồn thu. Trên tinh thần thấu hiểu, cùng chia sẻ khó khăn với Công ty Cổ phần LSO, Công ty Cổ phần L3tự nguyệngiảm mức lãi suất nợ quá hạn đối với khoản nợ gốc từ 10%/năm xuống mức 8,5%/năm.

Như vậy, số tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 12/3/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 24/7/2020 (501 ngày), Công ty Cổ phần LSO phải thanh toán cho Công ty Cổ phần L3 là:7.147.420.099 đồng x 8,5% x 501 ngày/365 ngày = 833.898.315 đồng.

Tổng số tiền Công ty Cổ phần LSO phải thanh toán cho Công ty Cổ phần L3 (cả nợ gốc và nợ lãi chậm thanh toán) là: 7.147.420.099 đồng + 833.898.315 đồng= 7.981.318.414 đồng (*Bẩy tỷ, chín trăm tám mươi mốt triệu, ba trăm mười tám nghìn, bốn trăm mười bốn*) đồng.

Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, bị đơn là Công ty Cổ phần LSOkhông cử đại diện hợp pháp đến Tòa án làm thủ tục theo quy định. Mặt khác, Công ty Cổ phần LSO cũng không gửi bất kỳ văn bản nào đến Tòa án thể hiện quan điểm, yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện củaCông ty Cổ phần L3.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án; về quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết; về tư cách tham gia tố tụng; về việc thu thập chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát; việc cấp, tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, có vi phạm về thời hạn giải quyết vụ án, nguyên nhân do tình hình dịch bệnh Covid-19 nên ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụngcác điều 30, 35, 39, 147, 227, 228, 244của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 280, 281, 290, 305, 402, 405, 408, 428, 429, 431, 432, 438, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 138, 139, 143, 144, 147 Luật Xây dựng 2014; các điều 85, 87, 306 Luật Thương mại năm 2005; Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là Công ty Cổ phần LSO phải trả cho Công ty Cổ phần L3tổng số tiền tính đến ngày 24/7/2020 là 7.981.318.414 đồng (*Bẩy tỷ, chín trăm tám mươi mốt triệu, ba trăm mười tám nghìn, bốn trăm mười bốn*) đồng; trong đó, số tiền nợ gốc là 7.147.420.099 đồng, số tiền nợ lãi chậm thanh toán từ ngày 12/3/2019 tính đến ngày xét xử sơ thẩm 24/7/2020 là 833.898.315 đồng. Về án phí:Buộc Công ty Cổ phần LSO phải chịu 115.981.318 đồng*(Một trăm mười lăm triệu, chín trăm chín trăm tám mươi mốt nghìn, ba trăm mười tám)*đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty Cổ phần L3 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.830.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008411 ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơnkhởi kiện yêu cầu bị đơn phảithực hiện nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng. Do đây là tranh chấp trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa pháp nhân với pháp nhân; bị đơn có trụ sở tại:Km 6, quốc lộ I, phường J, quận K, thành phố Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

[2] Bị đơn là Công ty Cổ phần LSO đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt và không có căn cứ xác định việc vắng mặt của bị đơn là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan . Đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã có lời khai và nêu đầy đủ yêu cầu khởi kiện, đồng thời cung cấp các tài liệu chứng minh cho yêu cầu của mình. Việc vắng mặt của nguyên đơn không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

- Về nội dung:

[3] Về hiệu lực của hợp đồng: Hợp đồng kinh tế số 2201/LSO/L3 ngày 22/01/2016 về việc "Lắp đặt kết cấu thép Dự án Cục Viễn thông" và Hợp đồng mua bán tài sản số 12B/2014/HĐMB ngày 26/8/2014 "Bán 01 cổng trục dầm đôi

25/5T và 01 cổng trục dầm đơn 10T" giữa Công ty Cổ phần L3và Công ty Cổ phần LSO được xác lập do các bên tự nguyện, mục đích và nội dung của các hợp đồng phù hợp với quy định tại các điều 402,405, 408, 428, 429, 431, 432, 438của Bộ luật Dân sự 2005; các điều 138,139, 143 Luật Xây dựng năm 2014;có nội dung phù hợp pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

[4] Về nội dung tranh chấp: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã thực hiện đúng các nội dung đã cam kết trong hợp đồng. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, thể hiện:

-Đối vớiHợp đồng kinh tế số 2201/LSO/L3 ngày 22/01/2016 về việc "Lắp đặt kết cấu thép Dự án Cục Viễn thông" và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 22/01/2016:

Sau khi thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ cam kết trong hợp đồng, Công ty Cổ phần L3 đã phát hành các hóa đơn giá trị gia tăng số 0000861 ngày 10/11/2016, số 0000869 ngày 16/12/2016, số 0000877 ngày 27/6/2017, số 0000897 ngày 18/01/2018, số 0000908 ngày 05/02/2018 vàgửi bộ hồ sơ đề nghị thanh toán cho Công ty Cổ phần LSO theo quy định tại Điều 6 của Hợp đồng.

-Đối với Hợp đồng mua bán tài sản số 12B/2014/HĐMB ngày 26/8/2014 "Bán 01 cổng trục dầm đôi 25/5T và 01 cổng trục dầm đơn 10T"

Công ty Cổ phần L3 đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ cam kết trong hợp đồng và phát hành hóa đơn giá trị gia tăng số 0000587 ngày 27/8/2014.

Sau khi phát hành các hóa đơn giá trị gia tăng, Công ty Cổ phần L3 đã nhiều lần gửi thư đề nghị Công ty Cổ phần LSO thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền theo 02 hợp đồng nêu trên.Tại Biên bản xác nhận công nợ giữa Công ty Cổ phần L3 với Công ty Cổ phần LSO vào ngày 12/3/2019, hai bên cùng xác nhận: Đối với Hợp đồng kinh tế số 2201/LSO/L3 ngày 22/01/2016 và Hợp đồng mua bán tài sản số 12B/2014/HĐMB ngày 26/8/2014, Công ty Cổ phần LSO còn nợ Công ty Cổ phần L3 tổng số tiền 7.147.420.099 đồng.

Đến nay, Công ty Cổ phần LSO vẫn chưa thanh toán cho Công ty Cổ phần L3 khoản tiền trên. Do đó, Công ty Cổ phần L3 yêu cầu Công ty Cổ phần LSO thanh toán tổng số tiền gốc và lãi chậm thanh toán là 7.981.318.414 đồng (*Bẩy tỷ, chín trăm tám mươi mốt triệu, ba trăm mười tám nghìn, bốn trăm mười bốn*) đồng, thấy rằng: Việc Công ty Cổ phần LSO không tiếp tục thanh toán cho Công ty Cổ phần L3số tiền gốc 7.147.420.099 đồng, sau khi Công ty Cổ phần L3 đã hoàn thành các nội dung công việc theo các hợp đồng đến nay đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, làm cho quyền lợi của Công ty Cổ phần L3bị xâm phạm. Nguyên đơn đã nhiều lần đôn đốc thanh toán các khoản nợ nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Về phía bị đơn: Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn đều vắng mặt trong các lần Tòa án triệu tập đến làm việc cũng như trong Thông báo về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa, đồng thời không cung cấp cho Tòa án các văn bản, ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Tòa án. Do đó, Tòa án không có căn cứ để xem xét. Đối với yêu cầu khởi kiện về số tiền nợ gốc của nguyên đơn là cócăn cứ và phù hợp với quy định tạicác điều280, 281, 290Bộ luật Dân sự 2005,nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn là Công ty Cổ phần LSO phải trả cho Công ty Cổ phần L3 số tiền nợ gốc theo các Hợp đồng chưa thanh toán là7.147.420.099 đồng.

[4.1] Về yêu cầu thanh toán tiền lãi: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn sửa đổi yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền lãi do bị đơn chậm thanh toán nợ gốc từ ngày 12/3/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 24/7/2020, nguyên đơnđề nghị giảm mức lãi suất nợ quá hạn đối với khoản nợ gốc từ 10%/năm xuống mức 8,5%/năm. Do hợp đồng ký kết giữa các bên đều có mục đích sinh lợi nên cần áp dụng Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 để tính lãi suất chậm trả. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, mức lãi suất nợ quá hạn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam là 10%, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam là 10.5%, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam là 9.5%.Mức lãi suất trung bình được tính như sau: (10% + 10,5% + 9.5%) : 3 x 150% = 15%.Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và thấp hơn mức lãi suất bình quân của 03 ngân hàng nêu trên; việc sửa đổi yêu cầu của nguyên đơn không vi phạm điều cấm của pháp luật và có lợi cho bị đơn nên chấp nhận yêu cầu sửa đổi yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn. Buộc Công ty Cổ phần LSO phải thanh toán cho Công ty Cổ phần L3 số tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 12/3/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 24/7/2020 là 833.898.315 đồng.

[4.2] Về lãi suất chậm thi hành án: Buộc bị đơn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/ NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.830.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008411

ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Buộc bị đơn là Công ty Cổ phần LSO phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn7.981.318.414 đồng, cụ thể: 112.000.000 đồng + 0,1% của phần giá trị tranh chấp vượt 4.000.000.000 đồng (7.981.318.414 đồng- 4.000.000.000 đồng) = 115.981.318 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vàocác điều30, 35, 39, 147, 227, 228, 244của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 280, 281, 290, 305, 402, 405, 408, 428, 429, 431, 432, 438, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 138, 139, 143, 144, 147 của Luật Xây dựngnăm 2014; các điều 85, 87, 306 của Luật Thương mại năm 2005;Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 26 củaNghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bị đơn là Công ty Cổ phần LSO phải thanh toán cho Công ty Cổ phần L3 số tiềntính đến ngày xét xử sơ thẩm 24/7/2020 là7.981.318.414 đồng (*Bẩy tỷ, chín trăm tám mươi mốt triệu, ba trăm mười tám nghìn, bốn trăm mười bốn)*đồng. Trong đó tiền gốc còn lại của 02 hợp đồng là7.147.420.099 đồng (*Bẩy tỷ, một trăm bốn mươi bẩy triệu, bốn trăm hai mươi nghìn, không trăm chín mươi chín - Đã bao gồm thuế giá trị gia tăng 10%*)đồng;tiền lãi chậm thanh toán là 833.898.315 đồng (*Tám trăm ba mươi ba triệu, tám trăm chín mươi tám nghìn, ba trăm mười lăm*)đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Buộc Công ty Cổ phần LSO phải chịu 115.981.318 đồng*(Một trăm mười lămtriệu, chín trăm chín trăm tám mươi mốt nghìn, ba trăm mười*

*tám)*đồngán phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty Cổ phần L3 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.830.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008411 ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án NDTP Hải Phòng;
- Viện Kiểm sát NDTP Hải Phòng;
- Viện Kiểm sát ND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Chung